# THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
## Buổi sáng - Áp dụng từ ngày 16/01/2023

| Ngày | Tiết | 10TN1 | 10TN2 | 10TN3 | 10TN4 | 10TN5 | 10XH1 | 10XH2 | 10XH3 | 10XH4 | 10XH5 | 10XH6 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thứ 2 | 1 | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ |
| | 2 | NN - Lân | LY - Anh | HOA - Hiệp | HOA - Đức Anh | HOA - Minh | GDKT&PL - Hải | TIN - Hồng (Tin) | NN - Dũng (Anh) | LY - Tuyết | DIA - Dũng (Địa) | SU - Diệu |
| | 3 | HOA - Ngân | SINH - Sương | VAN - My | TIN - Thắng | NN - Dũng (Anh) | NN - Lân | GDKT&PL - Hải | DIA - Dũng (Địa) | DIA - Duy | SU - Diệu | CN - Huệ |
| | 4 | HOA - Ngân | HĐTNHN - Minh | TIN - Thắng | LY - Tuyết | NN - Dũng (Anh) | DIA - Dũng (Địa) | CN - Huệ | TIN - Hồng (Tin) | VAN - My | GDKT&PL - Hải | NN - Lân |
| | 5 | LY - Đoàn | HĐTNHN - Minh | NN - Lân | NN - Dũng (Anh) | LY - Tuyết | TIN - Hồng (Tin) | DIA - Duy | CN - Huệ | VAN - My | TIN - Thắng | GDKT&PL - Hải |
| Thứ 3 | 1 | GDTC - Thanh | GDĐP - Minh | HĐTNHN - Kim Ngọc | LY - Tuyết | GDTC - Len | GDKT&PL - Hải | TIN - Hồng (Tin) | TOAN - Dương | TOAN - Nam | GDQP&AN - Hiện | VAN - An |
| | 2 | GDTC - Thanh | HOA - Minh | HĐTNHN - Kim Ngọc | LY - Tuyết | GDTC - Len | SU - Mai Hương | VAN - Thu | TOAN - Dương | TOAN - Nam | GDKT&PL - Hải | SINH - Lan |
| | 3 | SINH - Lan | SINH - Sương | GDĐP - Kim Ngọc | GDQP&AN - Hiện | TOAN - Nam | TOAN - Dương | GDTC - Thanh | TIN - Hồng (Tin) | LY - Tuyết | LY - Đoàn | GDTC - Len |
| | 4 | VAN - An | TOAN - Vĩnh | SINH - Lan | SINH - Sương | TOAN - Nam | TOAN - Dương | GDTC - Thanh | SU - Diệu | TIN - Hồng (Tin) | VAN - Thu | GDTC - Len |
| | 5 | LY - Đoàn | TOAN - Vĩnh | LY - Tuyết | VAN - An | HOA - Minh | GDQP&AN - Hiện | HĐTNHN - Phương | SU - Diệu | TIN - Hồng (Tin) | VAN - Thu | TOAN - Nam |
| Thứ 4 | 1 | TOAN - Quý (Toán) | VAN - Thu | HĐTNHN - Kim Ngọc | NN - Dũng (Anh) | SU - Mai Hương | DIA - Dũng (Địa) | DIA - Duy | HĐTNHN - Dương | GDTC - Quý (TD) | GDĐP - Thiên Hương | VAN - An |
| | 2 | TOAN - Quý (Toán) | GDTC - Thanh | VAN - My | NN - Dũng (Anh) | GDQP&AN - Hiện | DIA - Dũng (Địa) | GDKT&PL - Hải | HĐTNHN - Dương | GDTC - Quý (TD) | VAN - Thu | VAN - An |
| | 3 | TIN - Thắng | GDTC - Thanh | VAN - My | HOA - Đức Anh | NN - Dũng (Anh) | TIN - Hồng (Tin) | GDĐP - Phương | GDĐP - Dương | GDKT&PL - Hải | TOAN - Quý (Toán) | TOAN - Nam |
| | 4 | HĐTNHN - Trí | TIN - Hồng (Tin) | GDQP&AN - Hiện | TOAN - Dương | HĐTNHN - Phương Anh | VAN - An | VAN - Thu | VAN - My | HĐTNHN - Phương | HĐTNHN - Thiên Hương | DIA - Duy |
| | 5 | HĐTNHN - Trí | TIN - Hồng (Tin) | TOAN - Quý (Toán) | TOAN - Dương | HĐTNHN - Phương Anh | VAN - An | VAN - Thu | VAN - My | TOAN - Nam | HĐTNHN - Thiên Hương | GDKT&PL - Hải |
| Thứ 5 | 1 | NN - Lân | VAN - Thu | TOAN - Quý (Toán) | TOAN - Dương | CN - Huệ | HĐTNHN - Thắm | NN - Hà (Anh) | GDKT&PL - Hải | HĐTNHN - Phương | TIN - Thắng | GDĐP - Thiên Hương |
| | 2 | NN - Lân | VAN - Thu | SU - Diệu | TOAN - Dương | HĐTNHN - Phương Anh | GDĐP - Thắm | NN - Hà (Anh) | CN - Huệ | HĐTNHN - Phương | TOAN - Quý (Toán) | HĐTNHN - Thiên Hương |
| | 3 | GDQP&AN - Hiện | HĐTNHN - Minh | GDTC - Len | TIN - Thắng | VAN - Thu | TOAN - Dương | TOAN - Bá Dũng | DIA - Dũng (Địa) | GDĐP - Phương | TOAN - Quý (Toán) | VAN - An |
| | 4 | VAN - An | NN - Hà (Anh) | GDTC - Len | HĐTNHN - Kim Ngọc | SINH - Lan | NN - Lân | HĐTNHN - Phương | TOAN - Dương | DIA - Duy | DIA - Dũng (Địa) | CN - Huệ |
| | 5 | VAN - An | NN - Hà (Anh) | TIN - Thắng | HĐTNHN - Kim Ngọc | HOA - Minh | NN - Lân | CN - Huệ | HĐTNHN - Dương | DIA - Duy | HĐTNHN - Thiên Hương | SINH - Lan |
| Thứ 6 | 1 | TIN - Thắng | SU - Diệu | TOAN - Quý (Toán) | GDĐP - Kim Ngọc | VAN - Thu | VAN - An | TOAN - Bá Dũng | GDTC - Thanh | NN - Hà (Anh) | GDTC - Len | TOAN - Nam |
| | 2 | SINH - Lan | GDQP&AN - Hiện | TOAN - Quý (Toán) | SU - Diệu | VAN - Thu | VAN - An | TOAN - Bá Dũng | GDTC - Thanh | NN - Hà (Anh) | GDTC - Len | NN - Lân |
| | 3 | GDĐP - Trí | NN - Hà (Anh) | SINH - Lan | HĐTNHN - Kim Ngọc | TOAN - Nam | SU - Mai Hương | HĐTNHN - Phương | NN - Dũng (Anh) | SU - Diệu | TOAN - Quý (Toán) | NN - Lân |
| | 4 | TOAN - Quý (Toán) | TOAN - Vĩnh | NN - Lân | VAN - An | GDĐP - Phương Anh | HĐTNHN - Thắm | NN - Hà (Anh) | NN - Dũng (Anh) | GDKT&PL - Hải | VAN - Thu | SU - Diệu |
| | 5 | TOAN - Quý (Toán) | TOAN - Vĩnh | NN - Lân | VAN - An | SINH - Lan | HĐTNHN - Thắm | VAN - Thu | GDKT&PL - Hải | TOAN - Nam | NN - Dũng (Anh) | GDQP&AN - Hiện |
| Thứ 7 | 1 | LY - Đoàn | LY - Anh | HOA - Hiệp | GDTC - Len | LY - Tuyết | CN - Huệ | SU - Mai Hương | GDQP&AN - Hiện | VAN - My | DIA - Dũng (Địa) | HĐTNHN - Thiên Hương |
| | 2 | HĐTNHN - Trí | LY - Anh | HOA - Hiệp | GDTC - Len | LY - Tuyết | CN - Huệ | SU - Mai Hương | DIA - Dũng (Địa) | VAN - My | LY - Đoàn | HĐTNHN - Thiên Hương |
| | 3 | SU - Mai Hương | HOA - Minh | LY - Tuyết | HOA - Đức Anh | CN - Huệ | GDTC - Len | DIA - Duy | VAN - My | GDQP&AN - Hiện | NN - Dũng (Anh) | TOAN - Nam |
| | 4 | HOA - Ngân | HOA - Minh | LY - Tuyết | SINH - Sương | TOAN - Nam | GDTC - Len | GDQP&AN - Hiện | VAN - My | NN - Hà (Anh) | NN - Dũng (Anh) | DIA - Duy |
| | 5 | SH - Đoàn | SH - Minh | SH - Hiệp | SH - Sương | SH - Tuyết | SH - Lân | SH - Duy | SH - Dũng (Anh) | SH - My | SH - Dũng (Địa) | SH - Huệ |

**KT.HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**NGUYỄN VĂN VĨNH**

# THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
## Buổi sáng - Áp dụng từ ngày 16/01/2023

| Ngày | Tiết | 11TN1 | 11TN2 | 11TN3 | 11TN4 | 11XH1 | 11XH2 | 11XH3 | 11XH4 | 11XH5 | 11XH6 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thứ 2 | 1 | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ |
| | 2 | NN - Trâm | DIA - Sang | VAN - Liên | TOAN - Dịu | HOA - Trí | TIN - Thu Hương | VAN - Nguyệt | LY - Hà (Lý) | TIN - Bá Dũng | CN - Vân |
| | 3 | SINH - Hợp | HOA - Mùi | NN - Oanh (Anh) | TIN - Dịu | Nghề - Hồng (Tin) | HOA - Trí | VAN - Nguyệt | HOA - Đức Anh | VAN - Oanh (Văn) | NN - Trâm |
| | 4 | LY - Hà (Lý) | NN - Trâm | CN - Phương Anh | LY - Vân | SINH - Sương | DIA - Duy | TIN - Bá Dũng | TOAN - Dịu | VAN - Oanh (Văn) | VAN - Tâm |
| | 5 | VAN - Oanh (Văn) | NN - Trâm | DIA - Sang | VAN - Nguyệt | CN - Phương Anh | CN - Vân | HOA - Mùi | SINH - Hợp | LY - Hà (Lý) | VAN - Tâm |
| Thứ 3 | 1 | TIN - Thu Hương | TOAN - Đức | TOAN - Thiên Hương | SU - Diệu | TD - Quý (TD) | LY - Phương | Nghề - Ngà | TIN - Dịu | NN - Thơ | SINH - Hợp |
| | 2 | TOAN - Linh | TOAN - Đức | LY - Hà (Lý) | TIN - Dịu | TD - Quý (TD) | Nghề - Hồng (Tin) | TOAN - Thiên Hương | NN - Lâm | NN - Thơ | LY - Phương |
| | 3 | TD - Chung | TIN - Thu Hương | Nghề - Thông | TOAN - Dịu | TOAN - Đức | SINH - Bích Ngọc | TOAN - Thiên Hương | LY - Hà (Lý) | TD - Quý (TD) | HOA - Minh |
| | 4 | TD - Chung | SINH - Bích Ngọc | TIN - Thu Hương | GDCD - Hải | TOAN - Đức | TOAN - Linh | LY - Phương | TOAN - Dịu | TD - Quý (TD) | SU - Dung |
| | 5 | Nghề - Thông | GDQP&AN - Thanh | SINH - Bích Ngọc | SINH - Sương | TIN - Thu Hương | SU - Dung | GDCD - Hải | TOAN - Dịu | TOAN - Đức | TOAN - Linh |
| Thứ 4 | 1 | TOAN - Linh | LY - Tú | HOA - Đức Anh | GDQP&AN - Thanh | VAN - Liên | NN - Thơ | SINH - Bích Ngọc | NN - Lâm | HOA - Trí | NN - Trâm |
| | 2 | HOA - Trí | SINH - Bích Ngọc | NN - Oanh (Anh) | DIA - Duy | VAN - Liên | NN - Thơ | TOAN - Thiên Hương | NN - Lâm | SU - Dung | NN - Trâm |
| | 3 | NN - Trâm | CN - Phương Anh | VAN - Liên | HOA - Trí | DIA - Dũng (Địa) | TOAN - Linh | TD - Chung | VAN - Nguyệt | DIA - Duy | Nghề - Ngà |
| | 4 | GDQP&AN - Thanh | NN - Trâm | VAN - Liên | VAN - Nguyệt | NN - Hà (Anh) | TOAN - Linh | TD - Chung | HOA - Đức Anh | Nghề - Ngà | TIN - Bá Dũng |
| | 5 | DIA - Dũng (Địa) | NN - Trâm | GDQP&AN - Thanh | VAN - Nguyệt | NN - Hà (Anh) | LY - Phương | HOA - Mùi | Nghề - Ngà | TIN - Bá Dũng | TOAN - Linh |
| Thứ 5 | 1 | VAN - Oanh (Văn) | SU - Diệu | TD - Chung | CN - Vân | SU - Dung | NN - Thơ | DIA - Dũng (Địa) | TD - Quý (TD) | GDQP&AN - Hiện | TOAN - Linh |
| | 2 | VAN - Oanh (Văn) | VAN - Tâm | TD - Chung | NN - Thơ | SINH - Sương | GDQP&AN - Hiện | TIN - Bá Dũng | TD - Quý (TD) | TOAN - Đức | TOAN - Linh |
| | 3 | TOAN - Linh | CN - Phương Anh | TOAN - Thiên Hương | NN - Thơ | TOAN - Đức | VAN - Oanh (Văn) | CN - Vân | DIA - Duy | GDCD - Hải | TD - Quý (TD) |
| | 4 | TOAN - Linh | TOAN - Đức | SINH - Bích Ngọc | LY - Vân | CN - Phương Anh | VAN - Oanh (Văn) | SU - Diệu | GDQP&AN - Hiện | NN - Thơ | TD - Quý (TD) |
| | 5 | CN - Phương Anh | TOAN - Đức | SU - Diệu | Nghề - Tú | LY - Phương | TOAN - Linh | NN - Thơ | SU - Dung | CN - Vân | DIA - Dũng (Địa) |
| Thứ 6 | 1 | HOA - Trí | Nghề - Tú | TOAN - Thiên Hương | TD - Quý (TD) | GDCD - Nhương | TIN - Thu Hương | NN - Thơ | GDCD - Hải | TOAN - Đức | LY - Phương |
| | 2 | GDCD - Nhương | TIN - Thu Hương | TOAN - Thiên Hương | TD - Quý (TD) | LY - Phương | CN - Vân | NN - Thơ | TOAN - Dịu | TOAN - Đức | SINH - Hợp |
| | 3 | TIN - Thu Hương | LY - Tú | CN - Phương Anh | NN - Thơ | GDQP&AN - Hiện | TD - Quý (TD) | TOAN - Thiên Hương | TIN - Dịu | SINH - Hợp | CN - Vân |
| | 4 | SU - Dung | VAN - Tâm | GDCD - Nhương | NN - Thơ | TIN - Thu Hương | TD - Quý (TD) | GDQP&AN - Hiện | CN - Vân | HOA - Trí | TIN - Bá Dũng |
| | 5 | CN - Phương Anh | VAN - Tâm | TIN - Thu Hương | CN - Vân | TOAN - Đức | HOA - Trí | LY - Phương | SINH - Hợp | NN - Thơ | GDCD - Nhương |
| Thứ 7 | 1 | NN - Trâm | GDCD - Nhương | NN - Oanh (Anh) | TOAN - Dịu | NN - Hà (Anh) | NN - Thơ | CN - Vân | VAN - Nguyệt | LY - Hà (Lý) | HOA - Minh |
| | 2 | NN - Trâm | HOA - Mùi | NN - Oanh (Anh) | TOAN - Dịu | NN - Hà (Anh) | GDCD - Nhương | SINH - Bích Ngọc | VAN - Nguyệt | VAN - Oanh (Văn) | VAN - Tâm |
| | 3 | SINH - Hợp | TD - Chung | LY - Hà (Lý) | SINH - Sương | HOA - Trí | SINH - Bích Ngọc | NN - Thơ | NN - Lâm | CN - Vân | NN - Trâm |
| | 4 | LY - Hà (Lý) | TD - Chung | HOA - Đức Anh | HOA - Trí | VAN - Liên | VAN - Oanh (Văn) | VAN - Nguyệt | CN - Vân | SINH - Hợp | GDQP&AN - Thanh |
| | 5 | SH - Hà (Lý) | SH - Trâm | SH - Đức Anh | SH - Vân | SH - Liên | SH - Oanh (Văn) | SH - Nguyệt | SH - Dịu | SH - Trí | SH - Tâm |

**KT.HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**NGUYỄN VĂN VĨNH**

# THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
## Buổi sáng - Áp dụng từ ngày 16/01/2023

| Ngày | Tiết | 12TN1 | 12TN2 | 12TN3 | 12TN4 | 12XH1 | 12XH2 | 12XH3 | 12XH4 | 12XH5 | 12XH6 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thứ 2 | 1 | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ |
| | 2 | NN - Oanh (Anh) | HOA - Mùi | VAN - Hồng (Văn) | HOA - Ngân | SINH - Hợp | GDCD - Nhương | CN - Phương Anh | VAN - Tâm | NN - Lâm | LY - Đoàn |
| | 3 | VAN - Hằng | TOAN - Oanh (Toán) | TIN - Bá Dũng | NN - Ngọt | DIA - Trung | HOA - Hiệp | DIA - Sang | VAN - Tâm | VAN - Hồng (Văn) | LY - Đoàn |
| | 4 | DIA - Trung | NN - Lâm | NN - Ngọt | LY - Anh | VAN - Hằng | VAN - Hồng (Văn) | TOAN - Oanh (Toán) | HOA - Hiệp | GDCD - Nhương | NN - Oanh (Anh) |
| | 5 | HOA - Ngân | NN - Lâm | NN - Ngọt | TIN - Bá Dũng | VAN - Hằng | VAN - Hồng (Văn) | HOA - Hiệp | TOAN - Oanh (Toán) | DIA - Trung | NN - Oanh (Anh) |
| Thứ 3 | 1 | LY - Anh | NN - Lâm | SINH - Lan | TOAN - Đài | TD - Chung | LY - Thông | VAN - Xa | NN - Ngọt | SINH - Bích Ngọc | DIA - Sang |
| | 2 | CN - Anh | VAN - Xa | LY - Đoàn | TOAN - Đài | TD - Chung | SINH - Bích Ngọc | LY - Thông | NN - Ngọt | VAN - Hồng (Văn) | TOAN - Trân |
| | 3 | SINH - Hợp | TOAN - Oanh (Toán) | GDCD - Hải | LY - Anh | VAN - Hằng | DIA - Sang | VAN - Xa | SU - Dung | NN - Lâm | TOAN - Trân |
| | 4 | TOAN - Trân | DIA - Sang | VAN - Hồng (Văn) | CN - Anh | NN - Ngọt | NN - Lâm | SU - Mai Hương | TOAN - Oanh (Toán) | LY - Thông | VAN - Hằng |
| | 5 | TOAN - Trân | SINH - Lan | VAN - Hồng (Văn) | VAN - Xa | NN - Ngọt | NN - Lâm | DIA - Sang | TOAN - Oanh (Toán) | TOAN - Đài | VAN - Hằng |
| Thứ 4 | 1 | TOAN - Trân | GDCD - Hải | DIA - Sang | TOAN - Đài | GDQP&AN - Hiện | LY - Thông | NN - Oanh (Anh) | GDQP&AN - Len | CN - Phương Anh | HOA - Hiệp |
| | 2 | TOAN - Trân | HOA - Mùi | TOAN - Bá Dũng | TOAN - Đài | CN - Phương Anh | DIA - Sang | GDQP&AN - Len | LY - Thông | TIN - Thắng | SU - Mai Hương |
| | 3 | GDQP&AN - Len | DIA - Sang | HOA - Mùi | SU - Dung | LY - Tú | TOAN - Đài | TD - Quý (TD) | LY - Thông | HOA - Hiệp | NN - Oanh (Anh) |
| | 4 | LY - Anh | SU - Mai Hương | HOA - Mùi | GDCD - Hải | TOAN - Trân | TOAN - Đài | TD - Quý (TD) | HOA - Hiệp | LY - Thông | NN - Oanh (Anh) |
| | 5 | TIN - Thắng | LY - Tú | GDQP&AN - Len | LY - Anh | TOAN - Trân | HOA - Hiệp | LY - Thông | SU - Dung | TOAN - Đài | DIA - Sang |
| Thứ 5 | 1 | VAN - Hằng | SINH - Lan | NN - Ngọt | TD - Thanh | TOAN - Trân | TOAN - Đài | NN - Oanh (Anh) | DIA - Trung | NN - Lâm | CN - Phương Anh |
| | 2 | VAN - Hằng | VAN - Xa | NN - Ngọt | TD - Thanh | TOAN - Trân | SU - Dung | NN - Oanh (Anh) | TIN - Thắng | DIA - Trung | GDCD - Hải |
| | 3 | DIA - Trung | VAN - Xa | SU - Dung | NN - Ngọt | VAN - Hằng | NN - Lâm | SINH - Bích Ngọc | VAN - Tâm | TD - Thanh | SINH - Lan |
| | 4 | NN - Oanh (Anh) | LY - Tú | TOAN - Bá Dũng | VAN - Xa | GDCD - Hải | NN - Lâm | TIN - Thắng | NN - Ngọt | TD - Thanh | TOAN - Trân |
| | 5 | NN - Oanh (Anh) | NN - Lâm | TOAN - Bá Dũng | VAN - Xa | NN - Ngọt | GDQP&AN - Hiện | GDCD - Hải | SINH - Bích Ngọc | GDQP&AN - Len | TOAN - Trân |
| Thứ 6 | 1 | HOA - Ngân | HOA - Mùi | TD - Chung | SINH - Hợp | SU - Mai Hương | CN - Phương Anh | TOAN - Oanh (Toán) | NN - Ngọt | SU - Dung | HOA - Hiệp |
| | 2 | GDCD - Hải | LY - Tú | TD - Chung | HOA - Ngân | SU - Mai Hương | TIN - Nam | TOAN - Oanh (Toán) | CN - Phương Anh | HOA - Hiệp | TIN - Thắng |
| | 3 | TD - Chung | TIN - Thắng | CN - Đoàn | NN - Ngọt | DIA - Trung | SU - Dung | HOA - Hiệp | GDCD - Hải | TOAN - Đài | DIA - Sang |
| | 4 | TD - Chung | GDQP&AN - Len | SINH - Lan | NN - Ngọt | LY - Tú | DIA - Sang | VAN - Xa | TOAN - Oanh (Toán) | TOAN - Đài | SU - Mai Hương |
| | 5 | SU - Mai Hương | CN - Tú | TOAN - Bá Dũng | DIA - Sang | NN - Ngọt | TOAN - Đài | VAN - Xa | DIA - Trung | SU - Dung | GDQP&AN - Len |
| Thứ 7 | 1 | HOA - Ngân | TD - Chung | HOA - Mùi | SINH - Hợp | DIA - Trung | TD - Quý (TD) | DIA - Sang | VAN - Tâm | VAN - Hồng (Văn) | TD - Thanh |
| | 2 | SINH - Hợp | TD - Chung | DIA - Sang | GDQP&AN - Hiện | TIN - Nam | TD - Quý (TD) | TOAN - Oanh (Toán) | DIA - Trung | VAN - Hồng (Văn) | TD - Thanh |
| | 3 | LY - Anh | TOAN - Oanh (Toán) | LY - Đoàn | HOA - Ngân | HOA - Mùi | VAN - Hồng (Văn) | NN - Oanh (Anh) | TD - Quý (TD) | DIA - Trung | VAN - Hằng |
| | 4 | NN - Oanh (Anh) | TOAN - Oanh (Toán) | LY - Đoàn | DIA - Sang | HOA - Mùi | VAN - Hồng (Văn) | SU - Mai Hương | TD - Quý (TD) | NN - Lâm | VAN - Hằng |
| | 5 | SH - Ngân | SH - Oanh (Toán) | SH - Mùi | SH - Hợp | SH - Hằng | SH - Lâm | SH - Oanh (Anh) | SH - Trung | SH - Hồng (Văn) | SH - Sang |

**KT.HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**NGUYỄN VĂN VĨNH**